

PHÚ SÔNG BẠCH ĐẰNG

(*Bạch Đằng giang phú*)

A - MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Cảm nhận được nội dung yêu nước và tư tưởng nhân văn của bài *Phú sông Bạch Đằng*. Nội dung yêu nước thể hiện ở niềm tự hào về chiến công lịch sử và chiến công thời Trần trên dòng sông Bạch Đằng. Tư tưởng nhân văn thể hiện qua việc đề cao vai trò, vị trí, đức độ của con người, coi đây là nhân tố quyết định đối với sự nghiệp cứu nước.

– Thấy được những đặc trưng cơ bản của thể phú về các mặt kết cấu, hình tượng nghệ thuật, lời văn, từ đó biết cách phân tích một bài phú cụ thể.

– Bồi dưỡng lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, ý thức trân trọng những địa danh lịch sử, những danh nhân lịch sử.

B - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I - NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Nó được đặc trưng cơ bản của thể phú để hiểu *Phú sông Bạch Đằng*.

– Bài phú có hai nhân vật trữ tình là nhân vật “khách” và nhân vật tập thể các bô lão. Qua tâm trạng “khách”, qua lời đối đáp giữa “khách” và các bô lão toát lên nội dung :

+ Niềm tự hào về truyền thống dân tộc.

+ Tư tưởng nhân văn.

– Bài phú khá dài nên GV cần biết lựa chọn trọng tâm, trọng điểm để giảng.

2. Trọng tâm bài học

Về nội dung :

– Bài phú thể hiện lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc : tự hào về truyền thống yêu nước (qua việc ngợi ca chiến công trên sông Bạch Đằng) ; tự hào về truyền thống đạo lí nhân nghĩa (qua việc ngợi ca đức lớn của nhân tài, của vua Trần và cũng là đức lớn của dân tộc).

– Tư tưởng nhân văn qua sự khẳng định, đề cao con người, đạo lí chính nghĩa, qua nỗi niềm cảm khái trước cảnh sông Bạch Đằng trong hiện tại.

Về nghệ thuật :

– Kết cấu bài phú với bốn phần đề, thực, luận, kết ; các phần hô ứng với nhau.

Đoạn 1 : (“Khách có kè... dấu vết luống còn lưu”) : Cảm xúc lịch sử của nhân vật “khách” trước cảnh sắc sông Bạch Đằng.

Đoạn 2 : (“Bên sông các bô lão... nghìn xưa ca ngợi”) : Lời các bô lão kể với “khách” về những chiến công lịch sử trên sông Bạch Đằng.

Đoạn 3 : (“Tuy nhiên : Từ có vũ trụ... nhớ người xưa chừ lệ chan”) : Suy ngẫm và bình luận của các bô lão về những chiến công xưa.

Đoạn 4 : (“Rồi vừa đi vừa ca rằng... cốt mình đức cao”) : Lời ca khẳng định vai trò và đức độ của con người.

– Vai trò nhân vật “khách” và tập thể các bô lão trong việc thể hiện nội dung tư tưởng của bài phú.

– Tác dụng nghệ thuật của lời văn biền ngẫu.

II - PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

a) *Hướng dẫn HS chuẩn bị bài ở nhà*

– Tìm hiểu địa danh Bạch Đằng với những chiến công lịch sử, những bài thơ viết về sông Bạch Đằng.

– Đọc kĩ phần *Tiểu dẫn* để nắm được đặc điểm của thể phú ; tìm hiểu những từ ngữ khó, những điển tích, điển cố được dùng trong *Phú sông Bạch Đằng* qua phần chú thích.

– Đọc diễn cảm từ “Bên sông các bô lão, hỏi ý ta sở cầu ?” đến hết.

b) GV giảng trên lớp

– GV nhấn mạnh đặc điểm chung của thể phú về kết cấu, hình tượng nghệ thuật, lời văn và sự vận dụng của tác giả *Phú sông Bạch Đằng*.

– Trước khi giảng bài phú, GV cần gợi lên một số chiến công lịch sử trên sông Bạch Đằng và nói khái quát về tài sông Bạch Đằng trong văn học.

– Giảng trình tự theo kết cấu, sau đó kết luận chung về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài phú.

GV có thể gợi ý để HS trao đổi, thảo luận xung quanh lời bình luận của các bô lão và lời ca của “khách”. Hướng trọng tâm thảo luận là mối quan hệ giữa *địa linh* (đất thiêng) và *nhân kiệt* (người tài).

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) *Phân tích hình tượng nhân vật “khách”*

Chú ý mục đích dạo chơi phong cảnh, tráng chí, cảm xúc của “khách” trước cảnh sông Bạch Đằng.

Nhân vật “khách” là sự phản thân của chính tác giả. “Khách” dạo chơi phong cảnh không chỉ để thưởng thức vẻ đẹp thiên nhiên mà còn nghiên cứu cảnh trí đất nước, bồi bổ tri thức. “Khách” xuất hiện với tư thế của con người có tâm hồn khoáng đạt, có hoài bão lớn lao : “Nơi có người đi, đâu mà chẳng biết. – Đầm Vân Mộng chứa vài trăng trong dạ cũng nhiều, – Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết”.

Cái tráng chí bốn phương của “khách” – cũng là của tác giả, được gợi lên qua hai loại địa danh. Loại địa danh thứ nhất *lấy trong điển cố Trung Quốc*. Đây là những địa danh tác giả “đi qua” chủ yếu bằng sách vở, bằng trí tưởng tượng như : “Sớm gõ thuyền chè Nguyên, Tương, – Chiều lần thăm chè Vũ Huyệt”. Những hình ảnh không gian rộng lớn : *biển lớn* (“luồng bể chơi trăng”), *sông hồ* (“Cửu Giang, Ngũ Hồ”), *những vùng đất nổi tiếng* (“Tam Ngô, Bách Việt,... Vân Mộng”) đã thể hiện tráng chí bốn phương của “khách”. Loại địa danh thứ hai là những *địa danh của đất Việt*, với không gian cụ thể : “cửa Đại Than,... bến Đông Triều,... sông Bạch Đằng”. Đây là những hình ảnh thật, có tính chất đương đại, đang hiện ra trước mắt và được tác giả trực tiếp mô tả. Chính vì vậy, cảnh sắc thiên nhiên nơi tác giả dừng lại là cảnh thực, cụ thể. Cảnh hiện lên thật hùng vĩ, hoành tráng (“Bát ngát sóng kinh muôn dặm, – Thuốt tha đuôi trĩ một màu”) song cũng ảm đạm, hiu hắt (“Bờ lau san sát, bến lách đìu hiu. – Sông chìm giáo gãy, gò đầy xương khô”).

Trước cảnh tượng đó, với tâm hồn phong phú, nhạy cảm, tác giả vừa vui, tự hào, vừa *buồn đau, nuối tiếc*. Vui trước cảnh sông nước hùng vĩ, thơ mộng (“Nước trời : một sắc, phong cảnh : ba thu”), tự hào trước dòng sông từng ghi bao chiến tích. Buồn đau, nuối tiếc vì chiến trường xưa một thời oanh liệt nay tro troi, hoang vu, dòng thời gian đang làm mờ bao dấu vết.

b) *Phân tích hình tượng các bô lão*

Chú ý vai trò hình tượng các bô lão là người kể lại và người bình luận chiến tích trên sông Bạch Đằng.

– Nhân vật tập thể các bô lão địa phương có thể là thật, là những người dân địa phương ven sông Bạch Đằng mà tác giả gặp trên đường vãn cảnh. Cũng có thể nhân vật bô lão là nhân vật có tính chất hư cấu, là tâm tư tình cảm của chính tác giả hiện thành nhân vật trữ tình. Các bô lão đến với “khách” bằng thái độ nhiệt tình, hiếu khách, tôn kính “khách”. Sau một câu hỏi tưởng về trận “Ngô chúa phá Hoằng Thao”, các bô lão kể với “khách” về chiến tích “Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã”. Lời kể theo trình tự diễn biến tình hình. Ngay từ đầu, hai bên ta và địch đã tập trung binh lực hùng hậu cho một trận đánh quyết định. Tiếp đến, trận đánh diễn ra gay go, quyết liệt “được thua chưa phân”, “bắc nam chống đối”. Đó là sự đổi đầu không chỉ về lực lượng mà còn là đổi đầu về ý chí : ta với lòng yêu nước, với sức mạnh chính nghĩa, địch “thế cường” với bao mưu ma chước quỷ. Chính vì vậy, trận chiến diễn ra ác liệt : “Ánh nhật nguyệt chè phải mờ, – Bầu trời đất chè sấp đổi”. Những hình tượng kì vĩ, mang tầm vóc của đất trời, những hình tượng đặt trong thế đối lập : *nhật nguyệt / mờ, trời đất / đổi*, báo hiệu một cuộc thuỷ chiến kinh thiên động địa.

Nhưng rồi cuối cùng người chính nghĩa chiến thắng, giặc “hung đỗ hết lối”, chuốc nhục muôn đời :

*Đến nay nước sông tuy chảy hoài,
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi !*

Thái độ, giọng điệu của các bô lão trong khi kể về chiến công Bạch Đằng đầy nhiệt huyết, tự hào, là cảm hứng của người trong cuộc. Lời kể không dài dòng mà rất súc tích, cô đọng, khái quát nhưng gợi lại được diễn biến, không khí của trận đánh hết sức sinh động. Lời kể sử dụng những câu dài ngắn khác nhau, phù hợp với tâm trạng và diễn biến trận đánh. Những câu dài, dông dác, gợi không khí trang nghiêm : “Đây là nơi chiến địa buổi Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã, – Cũng là bãi đất xưa, thuở trước Ngô chúa phá Hoằng Thao”. Những câu ngắn gọn, sắc bén, dựng lên khung cảnh chiến trận căng thẳng, gấp gáp : “Thuyền bè muôn đội, tinh kì pháp phói, – Hùng hổ sáu quân, giáo gurom sáng chói”.

– Sau lời kể về trận chiến là lời suy ngẫm, bình luận của các bô lão về chiến thắng trên sông Bạch Đằng. Lời suy ngẫm, bình luận đã chỉ ra nguyên nhân ta thắng, địch thua : Trời cho ta thế hiếu, nhưng điều quyết định là ta có “nhân tài giữ cuộc điện an” :

*Kia trận Bạch Đằng mà đại thắng,
Bởi đại vương coi thế giặc nhàn.*

Khẳng định vai trò, vị trí con người, Trương Hán Siêu đã gợi lại hình ảnh Trần Hưng Đạo với câu nói đã lưu cùng sử sách. Sử chép rằng : Ngày 14 tháng 11 năm Đinh Hợi (1287), có người tâu về triều việc quân Nguyên đã tràn vào cửa ải sông Hồng ở mạn Phú Lương, vua Trần Nhân Tông lo lắng hỏi Trần Hưng Đạo rằng : “Giặc đến thì làm thế nào ?”. Hưng Đạo ung dung trả lời : “Năm nay, giặc đến dễ đánh” (*Kim niên, tặc nhàn*). Câu nói của Hưng Đạo Vương là câu nói của người nắm chắc thời thế, binh pháp, thấy rõ vai trò quyết định của con người. Theo binh pháp cổ, muốn thắng trong chiến tranh cần ba yếu tố : *thiên thời, địa lợi, nhân hoà*. Bài phú cũng nói tới ba yếu tố : *thiên thời* (“trời cũng chiều người”), *địa lợi* (“đất hiểm”) và *nhân hoà* (“nhân tài”). Tuy nhiên, thắng giặc không cốt ở đất hiểm mà chủ yếu là ở đức lớn, ở sức mạnh của con người. Khẳng định sức mạnh, vị trí của con người đó là *cảm hứng mang giá trị nhân văn và có tầm triết lí sâu sắc*.

– Sau những suy ngẫm, bình luận là lời ca của các bô lão mang ý nghĩa tổng kết. Lời ca có giá trị như một *tuyên ngôn về chân lí* : bất nghĩa (như Lưu Cung) thì tiêu vong, còn người có nhân nghĩa (như Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo) thì lưu danh thiên cổ :

*Những người bất nghĩa tiêu vong,
Nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh.*

(Nguyên văn chữ Hán – phiên âm :

Nhân nhàn hestate văn danh
Phỉ nhàn hestate câu dẫn.

Dịch nghĩa :

Người có nhân đức thì lưu danh
Kẻ bất nhân đều bị huỷ diệt).

Tác giả khẳng định sự vĩnh hằng của chân lí đó giống như sông Bạch Đằng kia đêm ngày “luồng to sóng lớn dồn về biển Đông” theo quy luật tự nhiên muôn đời.

c) *Phân tích lời ca cũng là lời bình luận của “khách”*

Lời ca của “khách” tiếp nối lời các vị bô lão ca ngợi sự anh minh của “hai vị thánh quân” (Trần Thánh Tông và Trần Nhân Tông) đồng thời ca ngợi chiến tích của sông Bạch Đằng lịch sử nhiều lần đánh thắng quân xâm lược, đem lại nền thái bình cho đất nước. Ở hai câu cuối lời ca, “khách” vừa biện luận, vừa khẳng định chân lí : Trong mối quan hệ giữa *địa linh* và *nhân kiệt* thì nhân kiệt là yếu tố quyết định. Ta thắng giặc không chỉ ở “đất hiểm” mà quan trọng hơn là bởi nhân tài có “đức cao”, “đức lành”. Khẳng định địa linh bởi nhân kiệt, nêu cao vai trò và vị trí của con người, lời ca kết thúc bài phú vừa mang *niềm tự hào dân tộc* vừa thể hiện *tu tưởng nhân văn* cao đẹp.

d) *Củng cố bài học*

– Giá trị nội dung : *Phú sông Bạch Đằng* là tác phẩm tiêu biểu của văn học yêu nước thời Lí – Trần. Bài phú đã thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc – tự hào về *truyền thống anh hùng bất khuất* và *truyền thống đạo lí nhân nghĩa* sáng ngời của dân tộc Việt Nam. Tác phẩm cũng thể hiện *tu tưởng nhân văn cao đẹp* qua việc đề cao vai trò, vị trí của con người.

– Giá trị nghệ thuật : *Phú sông Bạch Đằng* là đỉnh cao nghệ thuật của thể phú trong văn học Việt Nam thời trung đại : *cấu tứ* đơn giản mà hấp dẫn, *bố cục* chặt chẽ, *lời văn* linh hoạt, *hình tượng nghệ thuật* sinh động, vừa gợi hình sắc trực tiếp, vừa mang ý nghĩa khái quát, triết lí, *ngôn từ* vừa trang trọng, hào sảng, vừa lắng đọng, gợi cảm.

III - KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

Gợi ý làm bài tập : Phân tích, so sánh lời ca của “khách” kết thúc bài *Phú sông Bạch Đằng* với bài thơ *Sông Bạch Đằng (Bạch Đằng giang)* của Nguyễn Sưởng. Cả hai bài đều thể hiện niềm tự hào về chiến công trên sông Bạch Đằng, đều khẳng định, đề cao vai trò, vị trí của con người.

IV - TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1997 (bài *Bạch Đằng giang phú* của Trần Thị Băng Thanh).

2. Lã Nhâm Thìn, *Phân tích, bình giảng tác phẩm văn học 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001 (bài *Bạch Đằng giang phú*).